TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2021/DS-ST Ngày 16 /12/2021 *V/v tranh chấp về chia di sản thừa kế.*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Thúy

2. Ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số: 08/2021/TLST - DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp về chia di sản thừa kế". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021 ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh B. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Bình Q, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh B. (Vắng mặt lần 2 không lý do).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Phạm Thị N, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh B. (Có mặt).

3.2. Chị Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện T, tỉnh B. (Có mặt).

3.3. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh B. (Vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện,bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Phạm Thị H trình bày:

Bố mẹ đẻ chị Phạm Thị H là ông Phạm Bình N sinh năm 1942 (chết năm 2014) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944 (chết năm 2017). Bố mẹ đẻ chị chỉ có 4 người con chung gồm: Chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị N, chị Phạm Thị Lệ T và anh Phạm Bình Q. Ngoài ra bố mẹ chị không có con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ chị chết không để lại di chúc và có để lại di sản thừa kế là 239,8m^2 đất ở tại thửa đất số 748, tờ bản đồ số 4 tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh B. Thửa đất này đã được UBND huyện Thái Thụy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QH 324780 ngày 09/12/2009 mang tên chủ sử dụng là ông Phạm Bình N và bà Nguyễn Thị L. Ngoài ra, trước đây trên đất còn có một ngôi nhà cấp 4, mái tôn diện tích 60m^2 bao gồm công trình phụ khép kín nhưng anh Q đã tự ý phá bỏ vào năm 2020. Năm 2010, anh Phạm Bình Q và vợ là chị Nguyễn Thị D có xây một ngôi nhà mái bằng, một tầng, diện tích khoảng 30m^2 thửa đất số 748, tờ bản đồ số 4 tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh B. Cuối năm 2020, anh Phạm Bình Q tự ý phá bỏ ngôi nhà cũ của bố mẹ chị, mặc dù chị và chị T, chị N phản đối nhưng anh Q và chị D vẫn cố tình xây dựng trên phần diện tích ngôi nhà bị phá bỏ 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích mặt sàn tầng 1 khoảng 50m^2. Nay do chị và anh Q không thỏa thuận được về việc phân chia di sản thừa kế nên chị đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố mẹ đẻ chị là ông N và bà L; theo quy định của pháp luật. Chị Phạm Thị H đề nghị Tòa án giao cho anh Q sử dụng toàn bộ phần diện tích đất anh Q đã xây dựng 02 ngôi nhà gồm nhà chính, nhà công trình phụ và phần sân trước ngôi nhà 02 tầng đã được lát đá hoa để làm lối đi còn phần diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án chia đều cho chị Phạm Thị H, chị T và chị N nhưng chị không yêu cầu Tòa án phân chia ranh giới đất cho chị, chị N và chị T mà giao cho cả ba cùng sử dụng chung phần diện tích đất được chia. Chị không yêu cầu anh Q thanh toán chênh lệch tài sản phần đất được chia. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với ngôi nhà của bố mẹ chị để lại mà anh Q đã phá bỏ. Đối với các tài sản anh Q và chị D đã xây dựng trên phần đất các chị được nhận, chị yêu cầu anh Q và chị Đphải tháo dỡ.

* Theo bản tự khai ngày 06/5/2021 cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình của bị đơn - anh Phạm Bình Q trình bày: Bố đẻ anh là ông Phạm Bình N, sinh năm 1942 chết năm 2014 và mẹ đẻ là ông Nguyễn Thị L, sinh năm 1944, chết năm 2017; Bố mẹ anh có 4 người con gồm có anh, chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị N và chị Phạm Thị Lệ T. Bố mẹ anh chết không để lại di chúc và có để lại di sản thừa kế là thửa đất số 748, tờ bản đồ số 4 tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh B, diện tích cụ thể thì anh không nhớ rõ. Trước đây, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 của bố mẹ anh để lại tuy nhiên đã bị xuống cấp trầm trọng nên anh đã tháo dỡ và cuối

năm 2020, anh và vợ là chị Nguyễn Thị D có bàn bạc, cố gắng vay mượn thêm tiền để xây 01 ngôi nhà, toàn bộ tiền xây nhà là của vợ chồng anh. Ngoài ra bố mẹ anh không để lại tài sản thừa kế nào khác. Trên thửa đất này còn có 01 ngôi nhà của vợ chồng anh có diện tích khoảng 100m^2, ngôi nhà này anh chị xây được sự đồng ý của bố mẹ anh và là tài sản chung của vợ chồng anh. Nay chị H khởi kiện, anh không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H. Khi bố mẹ anh còn sống, vợ chồng anh là người chăm nom, phụng dưỡng bố mẹ. Bố mẹ anh tuy chết không để lại di chúc nhưng khi còn sống, vào những ngày cúng giỗ trước mặt con cái, bố mẹ anh đều nói nguyện vọng là sau này làm ngôi nhà thờ cúng để thờ cúng ông bà, bố mẹ anh sau khi qua đời và giao cho anh là người trông nom, thờ cúng tổ tiên vì các chị em của anh đều là con gái. Hiện nay, vợ chồng anh là người đang thờ cúng bố mẹ anh, các ngày giỗ bố mẹ, ông bà đều do vợ chồng anh đứng ra tổ chức. Khi bố mẹ anh chết, có mọi người đến viếng, sau đó số tiền viếng đó đã chia ra cho cả 4 anh em nhưng hiện nay họ hàng nội ngoại, bạn bè của bố mẹ anh mất thì vợ chồng anh phải bỏ tiền ra phúng viếng. Sau này, việc giỗ bố mẹ, ông bà hay cải táng cho bố mẹ đều phải do vợ chồng anh lo liệu nên anh không chấp nhận yêu cầu của chị H về việc chia di sản thừa kế của bố mẹ anh mà đề nghị để lại toàn bộ số tài sản này làm nơi thờ cúng bố mẹ anh.

* Theo bản tự khai ngày 07/5/2021, cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Phạm Thị Lệ T trình bày: Chị là con đẻ của ông Phạm Bình N và bà Nguyễn Thị L, chị nhất trí với phần trình bày của chị H về di sản thừa kế và các hàng thừa kế của ông N và bà L. Bố mẹ chị chết không để lại di chúc. Nay chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ chị, chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và chia di sản thừa kế của bố mẹ chị theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị Tòa án giao cho anh Q sử dụng toàn bộ phần diện tích đất anh Q đã xây dựng 02 ngôi nhà gồm nhà chính, nhà công trình phụ và phần sân trước ngôi nhà 02 tầng đã được lát đá hoa để làm lối đi còn phần diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án chia đều cho chị, chị H và chị N nhưng chị không yêu cầu Tòa án phân chia ranh giới đất cho chị, chị N và chị T mà giao cho cả ba cùng sử dụng chung phần diện tích đất được chia. Chị không yêu cầu anh Quân thanh toán chênh lệch tài sản. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với ngôi nhà của bố mẹ chị để lại mà anh Q đã phá bỏ. Đối với các tài sản anh Q và chị D đã xây dựng trên phần đất các chị được nhận, chị yêu cầu anh Q và chị D phải tháo dỡ.

* Theo bản tự khai ngày 07/5/2021, cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị N trình bày: Chị là con đẻ của ông Phạm Bình N và bà Nguyễn Thị L, chị nhất trí với phần trình bày của chị H về di sản thừa kế và các hàng thừa kế của ông N và bà L. Bố mẹ chị chết không để lại di chúc. Nay chị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ chị, chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và chia di sản thừa kế của bố mẹ chị theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị Tòa án giao cho anh Q sử dụng toàn bộ phần diện tích đất anh Q đã xây dựng 02 ngôi nhà gồm nhà chính, nhà công trình phụ và phần sân trước ngôi nhà 02 tầng đã được lát đá hoa để làm lối đi còn phần diện tích đất còn lại đề nghị Tòa án chia đều cho chị, chị T và chị H nhưng chị không yêu cầu Tòa án phân chia ranh giới đất cho chị, chị N và chị T mà giao cho cả ba cùng sử dụng chung phần diện tích đất được chia. Chị không yêu cầu anh Q thanh toán chênh lệch tài sản. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với ngôi nhà của bố mẹ chị để lại mà anh Q đã phá bỏ. Đối với các tài sản anh Q và chị D đã xây dựng trên phần đất các chị được nhận, chị yêu cầu anh Q và chị D phải tháo dỡ.

*Tại phiên tòa chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị N trình bày: Khi còn sống bố mẹ các chị ở cùng anh Q chị D nhưng bố mẹ chị sống riêng không sống cùng nhà vợ chồng anh Q chịĐ. Khi còn sống các chị đều thay nhau chăm nom chăm sóc bố mẹ, anh Q tuy sống cạnh bố mẹ nhưng đối xử với bố mẹ không tốt, việc anh Q trình bày tại bản tự khai là không đúng, các chị đều có nghĩa vụ thăm nom chứ không riêng như anh Q trình bày, có lần anh Q còn từ cả mẹ đẻ nên anh trình bày là không đúng gây bức xúc cho chị em chúng tôi. Khi anh Q và chị D xây nhà và các công trình khác không hỏi ý kiến các chị. Mặc dù các chị đã phản đối nhưng anh Q và chị D vẫn cố tình xây dựng.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị Đtrình bày: Chị là vợ anh Phạm Bình Q. Hiện nay, chị đang ở trên thửa đất số 748, tờ bản đồ số 4 tại thôn Đ, xã H, huyện Ty, tỉnh B (Đây là di sản thừa kế bố mẹ chồng chị để lại). Chị lấy anh Q từ năm 1998, sau khi cưới chị về ở trên đất này cùng bố mẹ anh Q. Năm 2010, được sự đồng ý của bố mẹ chồng, vợ chồng chị có xây dựng trên đất một ngôi nhà mái bằng, một tầng, diện tích 100m^2 để ở. Cuối năm 2020, ngôi nhà cấp 4 của bố mẹ chồng chị để lại đã bị xuống cấp trầm trọng nên vợ chồng chị đã bàn bạc vay mượn thêm tiền sau đó tháo dỡ ngôi nhà cũ và xây dựng trên phần diện tích này 01 ngôi nhà mới. Nay chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bố mẹ chồng chị, chị không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H và có

cùng quan điểm với anh Phạm Bình Q.

** Tại biên bản xác minh ngày 10/8/2021, đại diện UBND xã Thụy Hải cung cấp:* Ông Phạm Bình N, sinh năm 1942, chết năm 2014 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1944, chết năm 2017. Ông N và bà L có 04 người con là Chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị N, chị Phạm Thị Lệ T và anh Phạm Bình Q ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác. Ông N và bà L chết để lại di sản thừa kế là thửa đất số 748, tờ bản đồ số 4 tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh B đã được Uỷ ban nhân dân huyện Thái Thụy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH 324780 ngày 09/12/2009; thửa đất này không có tranh chấp mốc giới với các hộ liền kề và không lấn ra hành lang giao thông. Các thửa đất giáp danh với thửa đất này đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi chết, ông N và bà L không chuyển nhượng, tặng cho một phần hoặc toàn bộ thửa đất trên cho ai.

** Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 19/10/2021 xác định*: Thửa đất số 748, tờ bản đồ số 4 tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh B có diện tích 239,8m^2 có tứ cận như sau:

- Phía Tây Bắc giáp đường trục xã có chiều rộng 8,31m;

- Phía Tây Nam giáp nhà ông Nguyễn Quang H1 và đường ngõ xóm có chiều dài 6,75m + 4,72m + 14,48m + 0,55m + 2,71m + 0,43m;

- Phía Đông Nam giáp đất nhà ông Tạ Duy T có chiều rộng 12,39m;

- Phía Đông Bắc giáp đất nhà ông Nguyễn Tam X và ông Lê Hoàng M, bà Nguyễn Thị U có chiều dài 9,78m + 5,23m + 0,48m + 8,31m + 1,49m. Tất cả diện tích đất trên đều là đất ở, xác định 1m^2 đất có giá 12.000.000 đồng. Tổng giá trị đất là 2.877.600.000 đồng.

Các tài sản trên thửa đất gồm: Nhà 2 tầng mái bê tông diện tích mặt sàn 104m2 (giá trị còn lại sau khi định giá là 712.400.000 đồng); hệ vì kèo, xà gồ mái tôn diện tích 11,9m^2 (giá trị còn lại sau định giá là 3.570.000đ); hệ vì kèo, xà gồ mái tôn diện tích 16m2 (giá trị còn lại sau khi định giá là 4.800.000đ); hệ vì kèo, xà gồ mái tôn diện tích 66,8m^2 (giá trị còn lại sau khi định giá là 18.036.000đ); nhà công trình phụ mái bằng diện tích 34,2m^2 (giá trị còn lại sau khi định giá là 46.242.542đ); Bể nước 6m3 (Đã hết khấu hao); kho 1 diện tích 2m^2 (giá trị còn lại sau khi định giá là 1.951.160đ); kho 2 diện tích 1m^2 (giá trị còn lại sau khi định giá là 2.167.956đ); sân bê tông diện tích 71,6m^2 (giá trị còn lại sau khi định giá là 14.005.318đ); sân lát gạch đá hoa diện tích 11.9m^2 (giá trị còn lại sau khi định giá là 2.392.983đ); sân lát gạch đỏ 63,8m^2 (giá trị còn lại sau khi định giá là 9.919.008đ); cổng gỗ diện tích 4m2 (đã hết khấu hao); tường phía

đường trục xã dài 7,8m, tường xây 220, cao 1,9m (giá trị còn lại sau khi định giá là 7.112.104) Cổng 1: rộng 3m, cao 2,8m, làm bằng sắt (inox) hộp (giá trị còn lại sau khi định giá là 10.080.000) Tường vây phía ngõ: dài 4,75m, cao 2m, tường 220 (Đã hết khấu hao); 02 trụ cổng kích thước mỗi trụ = 0,45m x 0,45m, cao 2,7m (giá trị còn lại sau khi định giá là 4.293.439đ). Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, anh Q và chị D đều có mặt và chứng kiến. Tuy nhiên, anh Q và chị D cản trở, không cho Tòa án và Hội đồng định giá làm việc. Toàn bộ số liệu đo đạc làm căn cứ định giá do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ Thái Bình; Địa chỉ: Lô số 7, khu chợ mới, khu phố 2, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tiến hành đo đạc ngày 19/10/2021 cung cấp, các năm xây dựng tài sản cho nguyên đơn cung cấp. Sau khi có kết quả định giá, Tòa án đã thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho anh Q và chị D theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án gửi các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Q và chị D qua đường bưu điện tuy nhiên anh Q và chị Đđều từ chối nhận, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành niêm yết các văn bản trên cho anh Q và chị D theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

* Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan chia phần di sản thừa kế cho anh Q phần đất và tài sản cắt dọc từ ngoài đường theo phần đất và tài sản cắt dọc từ ngoài đường theo phần nhà mà anh Q đã xây dựng, anh Q không phải thanh toán chênh lệch về giá trị về đất do người được nhận thừa kế chia cho chị N, chị H, chị T được hưởng phần di sản còn lại. Đối với tài sản trên phần đất đều do anh Q và chị D xây dựng không phải là di sản thừa kế nên không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án. Buộc anh Q phải tháo dỡ phần tài sản trên diện tích đất được chia cho chị N, chị T, chị H.

* Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí, chi phí định giá thẩm định theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Bình Q và chị Nguyễn Thị D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng anh Q và chị D.

[3] Ông N chết năm 2014 và bà Len chết năm 2017. Các đương sự đều xác định ông N và bà L chết không để lại di chúc nên di sản của ông N và bà L được chia thừa kế theo pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự.

[4] Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nhân và bà Len gồm chị Phạm Thị H, chị Phạm Thị Lệ T, chị Phạm Thị N và anh Phạm Bình Q.

[5] Về di sản thừa kế: Di sản thừa kế của ông N và bà L để lại là quyền sử dụng thửa đất số 748, tờ bản đồ số 4 tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh B có diện tích 239,8m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 324780 ngày 09/12/2009; thửa đất này không có tranh chấp mốc giới với các hộ liền kề và không lấn ra hành lang giao thông. Các thửa đất giáp danh với thửa đất này đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi chết, ông N và bà L không chuyển nhượng, tặng cho một phần hoặc toàn bộ thửa đất trên cho ai. Toàn bộ các tài sản xây dựng trên thửa đất này các đương sự đều xác định là tài sản do anh Q và chị D xây dựng, không phải là di sản thừa kế của ông N và bà L.

[6] Về chia di sản thừa kế:

Theo quy định của pháp luật, ông N và bà L có 4 đồng thừa kế thì 1 suất thừa kế được hưởng: 239,8m^2 :4 = 59,95m^2. Tương đương số tiền 719.400.000 đồng

[6.1] Hiện nay, anh Phạm Bình Q là người đang thờ cúng ông Phạm Bình N và bà Nguyễn Thị L nên cần chia cho anh Q hưởng nhiều hơn 1 suất thừa kế là phù hợp. Chị H, chị T, chị N đều đề nghị giao cho anh Q được nhận phần di sản thừa kế mà anh Q đã xây dựng 02 ngôi nhà gồm nhà chính, nhà công trình phụ và phần sân phía trước ngôi nhà chính để làm lối đi. Phần diện tích đất còn

lại chị H, chị T, chị N các chị đề nghị được nhận và không yêu cầu Tòa án phân chia ranh giới đất mà cùng sử dụng chung và không yêu cầu anh Q phải thanh toán chênh lệch tài sản. Xét đề nghị của chị H, chị T, chị N là phù hợp nên cần chấp nhận. Do đó, cần giao cho anh Q được sử dụng diện tích 105,5m^2 (Tương đương số tiền 1.266.000.000 đồng) và các tài sản trên phần đất này mà anh Q đã xây dựng. Phần diện tích đất còn lại là 134,3m^2 (Tương đương 1.611.600.000 đồng), chị H, chị T, chị N mỗi người được hưởng 44,76m^2 (Tương đương số tiền số tiền 537.120.000 đồng). Do chị H, chị T, chị N không yêu cầu Tòa án phân chia ranh giới đất nên không đặt ra giải quyết.

[6.2] Đối với các tài sản trên đất là của vợ chồng anh Q, chị D, không phải là di sản thừa kế nên không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án. Buộc anh Q và chị D phải tháo dỡ phần tài sản trên diện tích đất được chia cho chị N, chị T, chị H gồm: Hệ vì kèo, xà gồ mái tôn; 02 kho; sân bê tông; sân lát gạch đỏ; cổng gỗ; tường phía đường trục xã dài 6,38m; tường vây phía ngõ.

[7] Về lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị H là người yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.000.000 đồng. Tính trên phần giá trị tài sản được chia, ông Q phải chịu 2/5 lệ phí là 3.600.000 đồng; chị H, chị N, chị T phải chịu 3/5 lệ phí là 5.400.000 đồng. Chị H đã nộp toàn bộ số tiền 9.000.000 đồng, nay chị không yêu cầu chị N và chị T phải trả cho chị số tiền lệ phí phải chịu.

[8] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí tính theo giá trị di sản được chia. Chị N và chị T, chị H mỗi người phải chịu 20.116.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Q phải chịu 49.980.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 609, Điều 611, Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của chị Phạm Thị H.

1.1 Xác định di sản thừa kế của ông Phạm Bình N, và bà Nguyễn Thị L là diện tích 239,8m2; đã được UBND huyện Thái Thụy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 324780 ngày 09/12/2009; thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 4, tại thôn X, xã H, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

1.2 Hàng thừa kết thứ nhất các con của Phạm Bình N và bà Nguyễn Thị L gồm:

Chị Phạm Thị H, Phạm Thị N, Phạm Thị Lệ T và Phạm Bình Q ngoài ra không có con chung, con nuôi, con riêng nào khác.

2. Di sản thừa kế được chia như sau:

2.1 Chia cho anh Phạm Bình Q được hưởng 105,5m^2 đất có tứ cận:

- Phía Tây Bắc giáp đường trục xã có chiều dài 4,49m;

- Phía Tây Nam giáp phần đất chia cho chị H, chị T và chị N có chiều dài 24,67m;

- Phía Đông Nam giáp đất nhà ông Tạ Duy T1 có chiều dài 4,3m;

- Phía Đông Bắc giáp đất nhà ông Nguyễn Tam X và ông Lê Hoàng M, bà Nguyễn Thị U có chiều dài 9,78m + 5,23m + 0,48m + 8,31m + 1,49m. Có sơ đồ kèm theo.

2.2 Chia cho chị Phạm Thị H, Phạm Thị N, Phạm Thị Lệ T mỗi người được hưởng 44,76m^2 đất và cùng sử dụng 134,3m^2 đất có tứ cận:

- Phía Tây Bắc giáp đường trục xã có chiều dài 3,82m.

- Phía Tây Nam giáp nhà ông Nguyễn Quang Hiện và đường ngõ xóm có chiều dài 6,75m + 4,72m + 14,48m + 0,55m + 2,71m + 0,43m;

- Phía Đông Nam giáp đất nhà ông Tạ Duy T1 có chiều dài 8,09m;

- Phía Đông Bắc giáp phần đất được chia cho anh Phạm Bình Q có chiều dài 24,67m. Có sơ đồ kèm theo.

3. Buộc anh Phạm Bình Q và chị Nguyễn Thị D phải tháo dỡ các tài sản xây dựng trên phần diện tích 134,3m^2 được chia cho chị Phạm Thị H, Phạm Thị N, Phạm Thị Lệ T gồm: Hệ vì kèo, xà gồ mái tôn; sân bê tông; sân lát gạch đỏ; cổng gỗ; tường phía đường trục xã dài 6,38m; tường vây phía ngõ.

4. Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.000.000 đồng: Anh Q phải chịu 3.600.000 đồng; chị H, chị N, chị T phải chịu lệ phí là 5.400.000 đồng. Chị H đã nộp toàn bộ số tiền 9.000.000 đồng. Buộc anh Q phải trả cho chị H 3.600.000 đồng.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 20.116.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 12.000.000 đồng chị Phạm Thị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003908 ngày 27/4/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự

huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, chị Phạm Thị H còn phải nộp 8.116.000 đồng án phí dân sự. Anh Phạm Bình Q phải chịu 49.980.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T, chị N mỗi người phải chịu 20.116.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H, Phạm Thị N, Phạm Thị Lệ T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/ 12/ 2021. Anh Phạm Bình Q và chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã H.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Việt Hưng